

Bản án số: 303/2019/DS-PT

Ngày: 01-11-2019

V/v quyền về lỗi đi qua.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương.

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy.

Ông Nguyễn Thế Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2019/TLPT-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019 về yêu cầu quyền về lỗi đi qua.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2019/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 231/2019/QĐPT-DS ngày 27 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; *(có mặt)*

2. Bà Trần Thị Ngọc C, sinh năm: 1965; *(có mặt)*

Cùng địa chỉ: 159/9, ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Châu Văn P, sinh năm: 1966; *(có mặt)*

Địa chỉ: ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Văn T – Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn T thuộc đoàn luật sư Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Quang C, sinh năm: 1960; (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 12/6/2018)

Địa chỉ: 891/6/10, đường N, Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Trần Ánh T, sinh năm: 1949; (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 08/6/2018)

3. Bà Phan Thị Kim Đ, sinh năm: 1968; (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 23/4/2019)

4. Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm: 1990; (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 23/4/2019)

5. Chị Đinh Thị Thảo L, sinh năm: 1990; (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 23/4/2019)

Cùng địa chỉ: L, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

6. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1969; (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 27/9/2018)

Địa chỉ: ấp 8, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

7. Ông Nguyễn Quang H, sinh năm: 1955; (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 28/3/2019)

8. Bà Ngô Thị Lệ T, sinh năm: 1960; (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 28/3/2019)

Cùng địa chỉ: Số 106/1, đường L, Khu phố 8, Phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:*

1. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

2. Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc C.

3. Bị đơn ông Châu Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2018, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Ngọc C trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc C có phần đất thuộc thửa 479, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre do hộ bà Trần Thị Ngọc C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất có nguồn gốc của mẹ ông T là bà Nguyễn Thị Ánh cho. Phần đất của ông, bà bị vây bọc, muốn đi ra lộ công cộng phải qua phần đất của ông Nguyễn Quang C, bà Ngô Thị Lệ

T và bà Nguyễn Thị T. Từ thời ông bà của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc C trước năm 1975 đã đi và không có ai ngăn cản gì. Đến tháng 03/2018 ông Cường bán phần đất trên cho ông Châu Văn P. Tháng 04/2018 ông Châu Văn P cặm cọc bê tông và thông báo không mua thì ông P rào lại. Ông P kêu bán phần lối đi nhưng giá chuyển nhượng là chiều ngang 02 m, chiều dài đến phần đất giáp đất ông T, bà C với giá là 200.000.000đồng nên ông T, bà C không đồng ý mua vì giá chuyển nhượng quá cao. Đến ngày 24/4/2018 ông P kéo lưới B40 rào lối đi nên ông T, bà C không đi vào vườn được. Phần lối đi tranh chấp có chiều ngang khoảng 02 m, chiều dài khoảng 35 m, diện tích khoảng 70 m². Việc rào lối đi này của ông P gây khó khăn cho gia đình ông, bà trong việc vào vườn chăm sóc cây trồng và vận chuyển huê lợi từ vườn ra ngoài để bán nên ông bà gửi đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã S giải quyết nhưng không có kết quả.

Nay ông bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết buộc ông Châu Văn P tháo dỡ rào lưới B40 có chiều ngang 02 m, trả lại lối đi như hiện trạng ban đầu chiều ngang khoảng 02m, chiều dài khoảng 35m, diện tích 70m², tại thửa số 247, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Châu Văn P đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài lối đi này hiện nay ông bà không có lối đi nào khác. Ông bà đồng ý trả giá trị phần lối đi ông T, bà C yêu cầu mở theo giá quy định của Nhà nước. Lối đi ông bà yêu cầu mở trước đây ở vị trí giữa bờ đất của ông Châu Văn P. Nay ông bà yêu cầu giải quyết mở lối đi tại vị trí cặp hàng rào, giáp với ranh đất của ông Hồ Quang B, ông Nguyễn Quang H và bà Ngô Thị Lệ T. Lối đi thuộc một phần thửa 247-1, 247-2, 247-3 tờ bản đồ số 26, diện tích 80m² (theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 23/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C), tọa lạc tại ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre. Tại phiên tòa sơ thẩm ông T, bà C yêu cầu ông P mở lối đi tại thửa 247-1, 247-2-1, 247-2-2 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 09/5/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Châu Văn P trình bày:

Trước đây khi ông mua đất của ông Nguyễn Quang C gia đình ông T, bà C đã sử dụng lối đi qua phần đất của ông Cường để vào vườn. Đây không phải là lối đi. Do lúc đó ông Cường ở xa nên gia đình bà C, ông T tự ý sử dụng đất của ông Cường để làm lối đi vào vườn. Khi ông mua đất của ông Cường xong ông có thông báo cho ông T, bà C nếu muốn đi trên phần lối đi này ông đồng ý sang nhượng lại lối đi cho ông T, bà C. Ông thỏa thuận với ông T, bà C sang nhượng lại lối đi chiều ngang 1m, chiều dài 35 m giá là 100.000.000đ, bên ông T, bà C muốn chiều ngang mấy mét thì lấy giá đó nhân lên tính tiền, nếu ông T, bà C không mua thì ông sẽ rào lại. Ông T, bà C không đồng ý mua và có kêu ông rào. Ông đã tiến hành rào hết phần đất ông đã mua của ông Cường vào tháng 03/2018, trên đó có lối đi mà gia đình ông T, bà C sử dụng để đi vào vườn. Lối đi này ông T, bà C chỉ sử dụng để đi vào vườn chứ không có nhà cửa gì trên phần đất này. Đối với yêu cầu tháo dỡ hàng rào B40 mở lối đi của ông T, bà C, ông không đồng ý vì đây không phải lối đi. Tại phần đất mở lối đi không có công trình kiến trúc gì. Ông và gia đình của ông ở trên phần đất khác. Ông P là

người trực tiếp canh tác trên đất. Tại các lần làm việc và tại phiên tòa ông đồng ý cho ông T, bà C sử dụng lối đi có chiều ngang 01 m, chiều dài 35,5 m, thuộc thửa 247-1, tờ bản đồ số 26, có diện tích là 35,5 m² (theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 23/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C). Ông yêu cầu ông T, bà C bồi thiệt hại hoa màu, giá trị đất và hàng rào lưới B40 có chiều dài 35,5 m theo giá Hội đồng định giá đã định, còn các đoạn hàng rào lưới B40 khác ông P không yêu cầu ông T, bà C phải bồi thường. Ông T, bà C muốn có lối đi rộng ông đồng ý sang nhượng thêm cho ông T, bà C với chiều ngang 01 m, chiều dài 35,5 m, giá là 100.000.000đồng. Ông T, bà C muốn mua bao nhiêu mét ngang thì ông đồng ý bán. Ông xác định ngoài lối đi mà ông T, bà C yêu cầu ông mở lối đi thì ông T, bà C không còn lối đi nào khác.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ánh Tuyết trình bày:

Bà đang ở nhờ trên phần đất của ông Châu Văn P. Phần đất mà ông T, bà C yêu cầu mở lối đi trên phần đất của ông P có chiều ngang khoảng 02 m, chiều dài khoảng 35m. Trên lối đi có 01 bàn thiên của bà thì bà không có ý kiến gì. Đất là của ông P đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có cho đi hay không là do ông P quyết định, bà không có ý kiến gì. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, bà không có khiếu nại về sau. Bà không yêu cầu ông T, bà C bồi thường bất cứ thiệt hại gì khi đi qua lối đi có phần sân và bàn thiên của nhà bà.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang C trình bày:

Phần lối đi hiện nay ông T, bà C tranh chấp yêu cầu ông Châu Văn P mở lối đi trước đây là do ông đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1991. Đến đầu năm 2018, ông đã chuyển nhượng qua cho ông P hơn 04 công với giá là 1.400.000.000đồng. Gia đình bà C đã sử dụng phần lối đi qua phần đất của ông để đi vào vườn từ thời mẹ của ông T là bà Nguyễn Thị Á. Sau đó bà Á cho đất bà C thì ông T, bà C sử dụng lối đi qua đất của ông để đi vào vườn. Do ông ở xa và chưa có nhu cầu sử dụng đất nên ai muốn đi thì đi chứ ông không có ngăn cản gì. Từ trước đến nay gia đình ông T, bà C sử dụng lối đi qua đất của ông chứ không có hỏi xin ông đi nhờ. Nay đất này ông đã bán cho ông Châu Văn P nên đối với yêu cầu mở lối đi của ông T, bà C ông không có ý kiến gì. Ông xác định ông không có liên quan gì trong vụ án này ông từ chối tham gia tố tụng. Ông yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông, ông không khiếu nại về sau.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất thuộc thửa 37, tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc tại xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre. Nguyên đơn ông T, bà C có sử dụng phần đất của bà làm lối đi. Ngoài ông T, bà C sử dụng thì còn có ông Hồ Quang Bạch, ông Châu Văn P, bà Trần Ánh T đi trên lối đi này. Nay bà đồng ý để ông T, bà C sử dụng lối đi qua đất của bà. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà và không khiếu nại gì về sau.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quang H, bà Ngô Thị Lệ T trình bày:

Ông bà có đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất thuộc thửa 25, tờ bản đồ số 25, đất tọa lạc tại ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre. Phần đất ông T, bà C yêu cầu ông Châu Văn P mở lối đi để đi ra đến lộ công cộng có đi qua phần đất của ông H và bà T. Ngoài ông T, bà C có các hộ ông Hồ Quang B, bà Trần Ánh T, ông Châu Văn P cũng đi qua phần đất của ông bà. Nay ông bà chưa có nhu cầu sử dụng đất nên ông bà cho bà C sử dụng lối đi qua phần đất của ông bà. Ông bà không yêu cầu ông T, bà C bồi thường bất cứ thiệt hại gì trên đất cho ông bà. Khi ông bà có nhu cầu sử dụng thì ông bà sẽ lấy lại đất và không ai được khiếu nại gì. Ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông bà. Ông bà không khiếu nại gì về sau.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Kim Đ trình bày:

Phần đất ông T, bà C yêu cầu mở lối đi là của vợ chồng bà mua của ông Nguyễn Quang C vào năm 2018. Đất do ông P đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông P là người trực tiếp canh tác trên phần đất này. Việc ông T, bà C yêu cầu mở lối đi bà Đồng không có ý kiến gì, cho đi hay không là do ông P quyết định. Bà Đồng yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà và không khiếu nại gì về sau.

Tại biên bản làm việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng T và chị Đinh Thị Thảo L trình bày:

Anh chị sống chung nhà với ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Ngọc C. Phần đất ông T, bà C yêu cầu ông P mở lối đi để đi vào vườn là đất cấp cho hộ bà Trần Thị Ngọc C. Anh chị là thành viên trong hộ ông T, bà C. Anh chị thống nhất với ý kiến của ông T, bà C. Do anh chị bận công việc nên anh chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và không khiếu nại gì về sau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định như sau:

Áp dụng Điều 254 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 157, 158, 165 và 166 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Châu Văn P tháo dỡ hàng rào lưới B40, mở lối đi cho hộ ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc C trên phần đất thuộc thửa 247-1, 247-2-1, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại ấp L, xã S, huyện C do ông Châu Văn P đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng diện tích đất của Phát dùng để mở lối đi là 53,3m² có tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp phần đất của ông T, bà C;
- Hướng Nam giáp thửa đất ông P;
- Hướng Đông giáp thửa ông P;
- Hướng Tây giáp thửa đất của ông Nguyễn Quang H, bà Ngô Thị Lệ T và ông Hồ Quang B.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Ông T, bà C có trách nhiệm tự cải tạo, san lấp phần con mương giáp đất

ông T, bà C để tạo lối đi.

- Phần đất của ông T, bà C để đi ra lộ công cộng (đường lộ liên ấp) ngoài phần đất ông T, bà C yêu cầu mở lối đi qua phần đất của ông P còn phải qua phần đất của các chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Quang Hùng, bà Ngô Thị Lệ Thu và bà Nguyễn Thị Thu. Ông T, bà C chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết việc mở lối đi từ phần đất của ông T, bà C qua phần đất của ông P thuộc thửa 247, tờ bản đồ số 26, còn phần lối đi khác ông T, bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến. ;

2. Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc C phải có trách nhiệm đền bù giá trị phần đất yêu cầu mở lối đi, công trình kiến trúc và cây trồng trên đất cho ông Châu Văn P số tiền là 34.350.000đ (Ba mươi bốn triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 64/2018/QĐ-BPKCTT ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 03/6/2019 nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Ngọc C kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, yêu cầu sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mở lối đi có chiều ngang 2m tại thửa 247-1, 247-2-1, 247-2-2 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 09/5/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

- Ngày 03/6/2019 bị đơn ông Châu Văn P kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm. Ông chỉ đồng ý mở lối đi chiều ngang 01 m. Nếu mở lối đi chiều ngang 1,5m như án sơ thẩm đã tuyên thì phải bồi thường cho ông phần diện tích 0,5m ngang theo giá thị trường.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Châu Văn P vì ông P đã tạo điều kiện cho nguyên đơn đi lối đi chiều ngang 1m theo giá Hội đồng định giá đã định. Nếu nguyên đơn có nhu cầu sử dụng lối đi rộng hơn thì phải trả cho nguyên đơn giá trị quyền sử dụng đất 1m ngang là 100.000.000đồng theo giá thị trường mà người dân quanh vùng đã mua bán với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mở lối đi có chiều ngang 1,5m cho hộ ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc C và buộc Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc C phải có trách nhiệm đền bù giá trị phần đất yêu cầu mở lối đi, công trình kiến trúc và cây

trồng trên đất cho ông Châu Văn P theo giá hội đồng định giá đã định ngày 02/11/2018 là phù hợp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Ngọc C; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Châu Văn P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất thuộc thửa 479, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre hiện do hộ bà Trần Thị Ngọc C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý sử dụng. Phần đất này bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Ngọc C và bị đơn ông Châu Văn P đều xác định ngoài lối đi qua phần đất do ông P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nguyên đơn không còn lối đi nào khác nên Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc mở lối đi qua bất động sản liền kề là phù hợp.

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Ngọc C kháng cáo yêu cầu mở lối đi có chiều ngang 2m tại thửa 247-1, 247-2-1, 247-2-2 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 09/5/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Lối đi cũ ông T, bà C sử dụng đã bị ông P rào có chiều ngang 02 mét, lối đi này nguyên đơn sử dụng để vận chuyển trái cây và phù hợp với chiều ngang lộ công cộng. Tòa cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận mở lối đi chiều ngang 1.5m là chưa phù hợp, gây khó khăn cho việc đi lại của nguyên đơn. Vì vậy chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Ngọc C, mở lối đi có chiều ngang 2m.

[3] Bị đơn ông Châu Văn P kháng cáo cho rằng ông chỉ đồng ý mở lối đi chiều ngang 01 m. Nếu mở lối đi chiều ngang 1,5m như án sơ thẩm đã tuyên thì phải bồi thường cho ông phần diện tích 0,5m ngang theo giá thị trường. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn mở lối đi có chiều ngang 2m. Khi được chấp nhận yêu cầu quyền về lối đi qua nguyên đơn phải đền bù cho ông P thiệt hại về quyền sử dụng đất do phải mở lối đi. Ông P không đưa ra chứng cứ gì để chứng minh thiệt hại cụ thể làm căn cứ yêu cầu đền bù nhưng phía nguyên đơn đồng ý đền bù cho bị đơn giá trị quyền sử dụng đất theo biên bản định giá ngày 02/11/2018, đây là mức giá hội đồng định giá đã định theo giá trị chuyển nhượng thực tế tại địa phương. Vì vậy, Tòa cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn phải đền bù cho ông P giá trị quyền sử dụng đất phần đất theo biên bản định giá ngày 02/11/2018 là phù hợp. Lối đi được mở có diện tích diện tích $71,3m^2$. Vì vậy, ông T, bà C có nghĩa vụ đền bù cho ông P số tiền $550.000\text{đồng}/m^2 \times 71,3m^2 = 39.215.000\text{đồng}$. Ngoài ra, ông T, bà C còn phải đền bù cho ông P giá trị cây trồng trên đất, giá trị hàng rào lưới B40 số tiền $420.000\text{đồng} + 4.615.000\text{đồng}$. Tổng số tiền ông T, bà C phải đền

bù cho ông P là: 44.250.000đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Đây là vụ án tranh chấp quyền về lối đi qua, do yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Ngọc C được chấp nhận nên ông T, bà C phải đền bù cho ông P thiệt hại về quyền sử dụng đất do mở lối đi và giá trị cây trồng, tài sản trên đất nhưng ông T, bà C không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền này; ông P phải chịu án phí không có giá ngạch số tiền 300.000đồng theo quy định tại Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Vì vậy, điều chỉnh án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

Từ những nhận định trên, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Ngọc C; không chấp nhận kháng cáo bị đơn ông Châu Văn P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C. Đề nghị của Kiểm sát viên là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Ngọc C không phải chịu án phí phúc thẩm; do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Châu Văn P phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Ngọc C;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Châu Văn P.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2019/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng Điều 254 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Châu Văn P tháo dỡ hàng rào lưới B40, mở lối đi cho hộ ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc C trên phần đất thuộc thửa 247-1, 247-2-1, 247-2-2 tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại ấp L, xã S, huyện C do ông Châu Văn P đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng diện tích đất của ông P dùng để mở lối đi là 71,3 m² có tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp phần đất của ông T, bà C;

- Hướng Nam giáp thửa đất ông P;
- Hướng Đông giáp thửa ông P;
- Hướng Tây giáp thửa đất của ông Nguyễn Quang Hùng, bà Ngô Thị Lệ Thu và ông Hồ Quang Bạch.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Ông T, bà C có trách nhiệm tự cải tạo, san lấp phần con mương giáp đất ông T, bà C để tạo lối đi.

- Phần đất của ông T, bà C để đi ra lộ công cộng (đường lộ liên ấp) ngoài phần đất ông T, bà C yêu cầu mở lối đi qua phần đất của ông P còn phải qua phần đất của các chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Quang Hùng, bà Ngô Thị Lệ Thu và bà Nguyễn Thị Thu. Ông T, bà C chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết việc mở lối đi từ phần đất của ông T, bà C qua phần đất của ông P thuộc thửa 247, tờ bản đồ số 26, còn phần lối đi khác ông T, bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

2. Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc C phải có trách nhiệm đền bù giá trị phần đất yêu cầu mở lối đi, công trình kiến trúc và cây trồng trên đất cho ông Châu Văn P số tiền là 44.250.000đ (Bốn mươi bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 64/2018/QĐ-BPKCTT ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

4. Chi phí tố tụng: Ghi nhận ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc C đồng ý chịu toàn bộ số tiền chi phí đo đạc, định giá là 1.916.000đ (Một triệu chín trăm mười sáu ngàn đồng) và đã nộp xong.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông T, bà C tạm ứng án phí đã nộp số tiền là 603.000đ (Sáu trăm lẻ ba ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017008 ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Ông Châu Văn P phải chịu án phí số tiền là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Ngọc C không phải chịu án phí số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng). Hoàn lại cho ông T, bà C tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004592 ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Ông Châu Văn P phải chịu án phí số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004567 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương